

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 21/2026/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng
đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi
tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 26/2018/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ,
chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ
trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 3400/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy
định một số chế độ hỗ trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận
động viên và mức chi tổ chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ hỗ
trợ, mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ
chức giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ, chế độ dinh dưỡng, chế độ đãi
ngộ đặc thù cho thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; mức
thưởng theo thành tích thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức
chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Các chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung
tập huấn, thi đấu không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của

uuuuu

Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thành viên đội thể thao gồm:

- a) Huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế đội thể thao thành tích cao của tỉnh;
- b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh;
- c) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh;
- d) Huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu giải thể thao cấp xã.

2. Thành viên tổ chức giải gồm:

- a) Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao;
- b) Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;
- c) Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;
- d) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu;
- đ) Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý và sử dụng huấn luyện viên, vận động viên.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đội thể thao thành tích cao của tỉnh (đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh) bao gồm huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế được triệu tập để tham gia thi đấu các giải thể thao thành tích cao theo quy định của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14.

2. Đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh (không bao gồm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển của tỉnh tập huấn, thi đấu tại các Hội thi thể thao dân tộc thiểu số toàn quốc, giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc, giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên toàn quốc và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển của các xã, phường, đặc khu, cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Quảng

anana

Trị, các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao do các sở, ban, ngành, liên đoàn, hội thể thao cấp tỉnh tổ chức hoặc đăng cai tổ chức.

4. Giải thi đấu thể thao cấp xã gồm đại hội thể dục thể thao xã, phường, đặc khu; các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao do các xã, phường, đặc khu tổ chức.

5. Các nội dung thi đấu cá nhân, đồng đội, tập thể thực hiện theo quy định của Điều lệ giải do cấp có thẩm quyền ban hành.

Chương II

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG, CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ ĐẶC THÙ

Điều 4. Chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh được hưởng chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh không hưởng lương ngân sách nhà nước được hưởng chế độ hỗ trợ theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu:

TT	Đối tượng	Định mức chi
1	Huấn luyện viên	300.000 đồng/người/ngày
2	Vận động viên	250.000 đồng/người/ngày

b) Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh hưởng lương ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh được triệu tập chia cho 26 ngày.

2. Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh được hưởng chế độ hỗ trợ trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh không hưởng lương ngân sách nhà nước được hưởng chế độ hỗ trợ theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu:

TT	Đối tượng	Định mức chi
1	Huấn luyện viên	250.000 đồng/người/ngày
2	Vận động viên	200.000 đồng/người/ngày

b) Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh hưởng lương ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

araha

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh được triệu tập chia cho 26 ngày.

3. Các đối tượng quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này được hưởng chế độ hỗ trợ làm thêm giờ cho những ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Mức hưởng chế độ hỗ trợ làm thêm giờ được xác định bằng mức chế độ hỗ trợ trả theo ngày quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này nhân với mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15, Luật số 113/2025/QH15 và Luật số 124/2025/QH15.

Điều 5. Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Thành viên đội tuyển thể thao quân chủng cấp tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

- a) Trong thời gian tập trung tập huấn: 210.000 đồng/người/ngày;
- b) Trong thời gian tập trung thi đấu: 300.000 đồng/người/ngày.

2. Thành viên đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

- a) Trong thời gian tập trung tập huấn: 190.000 đồng/người/ngày;
- b) Trong thời gian tập trung thi đấu: 250.000 đồng/người/ngày.

3. Trong thời gian tập huấn, thi đấu trong nước, trường hợp di chuyển đến các địa điểm khác địa điểm tập trung tập huấn, thi đấu để thực hiện nhiệm vụ, thành viên đội tuyển thể thao quân chủng cấp tỉnh, đội tuyển thể thao tham gia thi đấu giải thể thao cấp tỉnh được áp dụng hưởng chế độ nghỉ, đi lại theo quy định của pháp luật về công tác phí trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và chế độ dinh dưỡng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Chế độ đãi ngộ đặc thù đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh đạt thành tích xuất sắc

1. Vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đang hưởng lương ngân sách nhà nước đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế chính thức được hưởng chế độ thực phẩm chức năng hằng tháng như sau:

(Đơn vị tính: Đồng/người/tháng)

TT	Tên cuộc thi	Định mức chi		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Giải Vô địch quốc gia, quốc tế	1.500.000	1.200.000	900.000
2	Giải Vô địch trẻ quốc gia, quốc tế	900.000	600.000	300.000

ana

2. Vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đang hưởng lương ngân sách nhà nước đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế chính thức được hưởng chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng như sau:

(Đơn vị tính: Đồng/người/tháng)

TT	Tên cuộc thi	Định mức chi		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Giải Vô địch châu Á, thế giới	12.000.000	10.000.000	8.000.000
2	Giải Vô địch Đông Nam Á, trẻ châu Á, trẻ thế giới	10.000.000	8.000.000	6.000.000
3	Giải Vô địch quốc gia	8.000.000	6.000.000	4.000.000
4	Giải Vô địch trẻ Đông Nam Á	5.000.000	4.000.000	3.000.000
5	Giải Vô địch trẻ quốc gia	4.000.000	3.000.000	2.000.000

3. Chế độ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện trong một năm (12 tháng) kể từ năm sau liền kề năm vận động viên đạt được thành tích. Vận động viên đạt được thành tích ở mức nào thì hưởng chế độ theo mức đó, trường hợp vận động viên đạt nhiều thành tích thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất tương ứng với thành tích đạt được.

4. Trong thời gian vận động viên đang được hưởng chế độ thực phẩm chức năng, chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc theo quy định tại khoản 6 Điều 5, Điều 7 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ thì không được hưởng chế độ thực phẩm chức năng hằng tháng, chế độ đãi ngộ đặc thù hằng tháng dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III **MỨC THƯỞNG THEO THÀNH TÍCH THI ĐẤU**

Điều 7. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia

1. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên

a) Vận động viên quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc gia được hưởng mức thưởng bằng tiền theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi theo quy định của điều lệ giải, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

ahana

2. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu đồng đội, tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

c) Trường hợp vận động viên tập trung từ các cơ sở tuyển dưới thì tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở tuyển dưới trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

d) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 8. Mức chi tiền thưởng tại đại hội thể dục thể thao, giải thi đấu thể thao trong tỉnh

1. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

a) Vận động viên quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này lập thành tích tại đại hội, giải thi đấu thể thao cấp tỉnh được hưởng mức thưởng bằng tiền theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

anana

2. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh được hưởng mức thưởng chung bằng 20% mức thưởng đối với vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Nguyên tắc chi tiền thưởng huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này.

3. Vận động viên quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này lập thành tích tại đại hội, giải thi đấu thể thao cấp xã được hưởng mức thưởng bằng tiền tương ứng 70% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Ngoài mức thưởng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, tỉnh thưởng thêm bằng 50% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao quốc tế quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Thưởng tại chỗ cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao

1. Vận động viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao toàn quốc, khu vực và quốc tế được thưởng tại chỗ như sau:

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Đại hội thể thao thế giới (Olympic Games)	100.000.000	70.000.000	40.000.000
2	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	50.000.000	30.000.000	20.000.000
3	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	20.000.000	15.000.000	10.000.000
4	Đại hội Thể thao toàn quốc	10.000.000		

2. Huấn luyện viên có công phát hiện, tuyển chọn, đào tạo ban đầu đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội thể thao khu vực và quốc tế được thưởng như sau:

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng
1	Đại hội thể thao thế giới (Olympic Games)	30.000.000
2	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	20.000.000
3	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	10.000.000

an nh

3. Huấn luyện viên đào tạo vận động viên đạt huy chương vàng tại Đại hội Thể thao toàn quốc được thưởng tại chỗ 5.000.000 đồng.

Chương IV

MỨC CHI CỤ THỂ ĐỂ TỔ CHỨC CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO

Điều 11. Nội dung và mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu

a) Đối tượng và mức chi chế độ thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

(Đơn vị tính: Đồng/người/ngày (hoặc buổi))

TT	Đối tượng	Mức chi
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	170.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	200.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	140.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	80.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao)	
6.1	Người tập:	
-	Tập luyện	65.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	100.000/buổi
-	Chính thức	160.000/buổi
6.2	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	140.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát môn bóng đá, futsal	
7.1	Giải bóng đá nam, nữ:	
-	Trọng tài chính	300.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000/buổi
7.2	Giải futsal nam, nữ và bãi biển:	
-	Trọng tài chính	220.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi

b) Mức chi chế độ thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao cấp xã bằng 80% mức chi chế độ thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

ahana

d) Thời gian chỉ thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế theo hướng dẫn, điều lệ của Ban tổ chức giải.

đ) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại

Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này được chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại trong thời gian tham gia giải thi đấu, cụ thể như sau:

a) Mức chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo chế độ phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

b) Thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với các đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi dịch thuật thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc, theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;

b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, hợp báo, hội nghị, hội thao, tập huấn trọng tài;

c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;

d) Chi làm huy chương, cờ, cúp;

đ) Chi in vé, giấy mời;

e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;

g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật);

h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

anana

6. Các nội dung chi phải bảo đảm trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo chế độ hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Mức chi quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 8, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết này là mức chi tối đa. Căn cứ tình hình kinh phí và khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định chi cho phù hợp nhưng không quá mức chi được quy định tại Nghị quyết này.

3. Khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để bổ sung hỗ trợ, khuyến khích huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và đảm bảo tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.

4. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện các chế độ đối với thành viên đội thể thao quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định chế độ hỗ trợ đối với nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và chế độ đãi ngộ cho vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Bình.

b) Nghị quyết số 107/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Quảng Trị lập thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể dục thể thao.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026. Linh

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT, TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐN (Linh).



Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục I

MỨC THƯỞNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC, CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng			
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng	Phá kỷ lục cộng thêm
1	Đại hội Thể thao toàn quốc	15.000.000	12.000.000	9.000.000	9.000.000
2	Giải vô địch quốc gia	12.000.000	8.000.000	6.000.000	6.000.000
3	Giải vô địch trẻ quốc gia; Giải vô địch Cúp quốc gia; Giải vô địch các đội mạnh quốc gia; Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia; Giải vô địch các vận động viên xuất sắc quốc gia	6.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000
4	Giải vô địch trẻ quốc gia (có quy định lứa tuổi)				
4.1	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên	6.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000
4.2	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 đến dưới 18 tuổi	5.000.000	3.000.000	2.000.000	2.000.000
4.3	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 đến dưới 16 tuổi	4.000.000	2.500.000	1.500.000	1.000.000
4.4	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	3.000.000	2.000.000	1.000.000	1.000.000
5	Giải Vô địch khu vực, vùng, miền nằm trong hệ thống thi đấu do Cục Thể dục thể thao Việt Nam, Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia tổ chức				
5.1	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên	4.000.000	3.000.000	2.000.000	2.000.000
5.2	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 đến dưới 18 tuổi	3.000.000	2.000.000	1.500.000	1.500.000
5.3	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 đến dưới 16 tuổi	2.000.000	1.500.000	1.000.000	1.000.000
5.4	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	1.500.000	1.200.000	800.000	800.000

Lưu
shana

6	Hội thi thể thao dân tộc thiểu số toàn quốc; giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc; giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên toàn quốc và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia	6.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000
---	--	-----------	-----------	-----------	-----------

lenh
anava

Phụ lục II
MỨC THƯỞNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN, ĐOÀN THỂ THAO LẬP THÀNH TÍCH TẠI
ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO, CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên giải thi đấu	Mức thưởng		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Đại hội thể dục thể thao	3.000.000	2.000.000	1.200.000
2	Giải thi đấu thể thao từng môn	1.500.000	1.000.000	600.000
3	Hội thi thể thao dân tộc thiểu số; giải thể thao dành cho người khuyết tật; giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên và các giải thi đấu thể thao quần chúng cấp tỉnh	800.000	500.000	300.000
4	Giải thi đấu thể thao hệ thống trẻ cấp tỉnh			
4.1	Dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên	750.000	500.000	300.000
4.2	Dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	600.000	400.000	240.000
4.3	Dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	300.000	180.000
4.4	Dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	300.000	200.000	120.000

Linh
